

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班 餐旅管理系學生錄取名單

Danh sách trúng tuyển lớp Chuyên Ban Quốc Tế năm học 2026

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
1	大學部Bachelor	杜氏○玉	DO THI BICH NGOC	越南Việt Nam	正取Chính thức
2	大學部Bachelor	阮○	NGUYEN DUY	越南Việt Nam	正取Chính thức
3	大學部Bachelor	陳阮○莊	TRAN NGUYEN THAO TRANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
4	大學部Bachelor	黃○武	HOANG MINH VU	越南Việt Nam	正取Chính thức
5	大學部Bachelor	武氏○緣	VO THI TU DUYEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
6	大學部Bachelor	丁氏○孝	DINH THI NGOC HIEU	越南Việt Nam	正取Chính thức
7	大學部Bachelor	武○南	VU HOANG NAM	越南Việt Nam	正取Chính thức
8	大學部Bachelor	阮氏○香	NGUYEN THI TRUC HUONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
9	大學部Bachelor	鄧○燕	DANG HAI YEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
10	大學部Bachelor	阮○信	NGUYEN DUC TIN	越南Việt Nam	正取Chính thức
11	大學部Bachelor	裴氏○英	BUI THI LAN ANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
12	大學部Bachelor	鄧○玲	DANG THI LINH	越南Việt Nam	正取Chính thức
13	大學部Bachelor	胡○江	HO TRUC GIANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
14	大學部Bachelor	黎○義	LE HOANG NGHIA	越南Việt Nam	正取Chính thức
15	大學部Bachelor	阮○達	NGUYEN QUANG DAT	越南Việt Nam	正取Chính thức
16	大學部Bachelor	黎○達	LE TAN DAT	越南Việt Nam	正取Chính thức
17	大學部Bachelor	陳○美	TRAN GIA MY	越南Việt Nam	正取Chính thức
18	大學部Bachelor	陳氏○玲	TRAN THI KIM LINH	越南Việt Nam	正取Chính thức
19	大學部Bachelor	武○仙	VO VAN TIEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
20	大學部Bachelor	阮玉○江	NGUYEN NGOC CHAU GIANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
21	大學部Bachelor	邱○柳	KHUU NGAN LIEU	越南Việt Nam	正取Chính thức
22	大學部Bachelor	阮○合	NGUYEN QUYET HOP	越南Việt Nam	正取Chính thức
23	大學部Bachelor	陳氏○燕	TRAN THI HAI YEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
24	大學部Bachelor	陳○猛	TRAN CONG MANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
25	大學部Bachelor	名氏○英	DANH THI TO OANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
26	大學部Bachelor	裴氏○桃	BUI THI ANH DAO	越南Việt Nam	正取Chính thức
27	大學部Bachelor	邱○美	KHUU NGAN MY	越南Việt Nam	正取Chính thức
28	大學部Bachelor	丁○玉	DINH MY NGOC	越南Việt Nam	正取Chính thức
29	大學部Bachelor	阮○簪	NGUYEN NGOC TRAM	越南Việt Nam	正取Chính thức
30	大學部Bachelor	范○雄	PHAM TUAN HUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
31	大學部Bachelor	阮○玲	NGUYEN HOANG LINH	越南Việt Nam	正取Chính thức
32	大學部Bachelor	高○清	CAO VAN THANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
33	大學部Bachelor	杜○宇	DO NGOC VU	越南Việt Nam	正取Chính thức
34	大學部Bachelor	黎○銀	LE YEN NGAN	越南Việt Nam	正取Chính thức

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班 餐旅管理系學生錄取名單

Danh sách trúng tuyển lớp Chuyên Ban Quốc T ế năm học 2026

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
35	大學部Bachelor	胡○嬌	HO PHUNG KIEU	越南Việt Nam	正取Chính thức
36	大學部Bachelor	阮氏○尼	NGUYEN THI TRUC NI	越南Việt Nam	正取Chính thức
37	大學部Bachelor	梅○冰	MAI SY BANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
38	大學部Bachelor	黃○仙	HOANG THUY TIEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
39	大學部Bachelor	鄧○味	DANG BA MUI	越南Việt Nam	正取Chính thức
40	大學部Bachelor	潘○思	PHAN KIM TU	越南Việt Nam	正取Chính thức
41	大學部Bachelor	阮氏○黃	NGUYEN THI NHU HUYNH	越南Việt Nam	備取Dự bị
42	大學部Bachelor	呂○鵬	LU TRONG BANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
43	大學部Bachelor	黃氏○如	HUYNH THI TAM NHU	越南Việt Nam	備取Dự bị
44	大學部Bachelor	武氏○草	VU THI THU THAO	越南Việt Nam	備取Dự bị
45	大學部Bachelor	壬○丹	NHAM PHUOC DAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
46	大學部Bachelor	潘玉○如	PHAN NGOC QUYNH NHU	越南Việt Nam	備取Dự bị
47	大學部Bachelor	范○越	PHAM DINH VIET	越南Việt Nam	備取Dự bị
48	大學部Bachelor	阮氏○莉	NGUYEN THI KIM LY	越南Việt Nam	備取Dự bị
49	大學部Bachelor	黃○美	HUYNH CAM MY	越南Việt Nam	備取Dự bị
50	大學部Bachelor	黃氏○薇	HUYNH THI TAM VY	越南Việt Nam	備取Dự bị
51	大學部Bachelor	陶○日	DAO MINH NHUT	越南Việt Nam	備取Dự bị
52	大學部Bachelor	黎○寶	LE THAI BAO	越南Việt Nam	備取Dự bị
53	大學部Bachelor	武○心	VU THI TAM	越南Việt Nam	備取Dự bị
54	大學部Bachelor	黎○榮	LE DUC VINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
55	大學部Bachelor	阮○進	NGUYEN QUOC TIEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
56	大學部Bachelor	范○寶	PHAM GIA BAO	越南Việt Nam	備取Dự bị
57	大學部Bachelor	阮○友	NGUYEN HOANG HUU	越南Việt Nam	備取Dự bị
58	大學部Bachelor	陳○安	TRAN BINH AN	越南Việt Nam	備取Dự bị
59	大學部Bachelor	阮○魁	NGUYEN DUC KHOI	越南Việt Nam	備取Dự bị
60	大學部Bachelor	梅○英	MAI QUOC ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
61	大學部Bachelor	吳○驗	NGO CHI NGHIEM	越南Việt Nam	備取Dự bị
62	大學部Bachelor	裴氏○玲	BUI THI THUY LINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
63	大學部Bachelor	陳○宇	TRAN TUAN VU	越南Việt Nam	備取Dự bị
64	大學部Bachelor	阮氏○雅	NGUYEN THI THANH NHA	越南Việt Nam	備取Dự bị
65	大學部Bachelor	阮邊○永	NGUYEN BIEN PHUC VINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
66	大學部Bachelor	阮○晉	NGUYEN GIA TAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
67	大學部Bachelor	阮重○蘭	NGUYEN TRONG HA LAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
68	大學部Bachelor	武○茹	VO HOAI NHU	越南Việt Nam	備取Dự bị

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班 餐旅管理系學生錄取名單

Danh sách trúng tuyển lớp Chuyên Ban Quốc T ế năm học 2026

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
69	大學部Bachelor	武○源	VO THANH NGUYEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
70	大學部Bachelor	黎○光	LE HONG QUANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
71	大學部Bachelor	范○信	PHAM HOANG TIN	越南Việt Nam	備取Dự bị
72	大學部Bachelor	陶氏○玄	DAO THI THANH HUYEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
73	大學部Bachelor	黎○越	LE QUOC VIET	越南Việt Nam	備取Dự bị
74	大學部Bachelor	武○英	VO TUAN ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
75	大學部Bachelor	陳氏○蘭	TRAN THI THUY LAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
76	大學部Bachelor	黎○銘	LE QUOC THANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
77	大學部Bachelor	阮○平	NGUYEN THI BINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
78	大學部Bachelor	黃○芳	HOANG BUU PHUONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
79	大學部Bachelor	阮○日	NGUYEN MINH NHUT	越南Việt Nam	備取Dự bị
80	大學部Bachelor	黎氏○英	LE THI LAN ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
81	大學部Bachelor	武○英	VU THE ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
82	大學部Bachelor	陳○越	TRAN QUOC VIET	越南Việt Nam	備取Dự bị
83	大學部Bachelor	陳○草	TRAN NGOC THAO	越南Việt Nam	備取Dự bị
84	大學部Bachelor	黃○鵬	HUYNH AI MI	越南Việt Nam	備取Dự bị
85	大學部Bachelor	黎黃○新	LE HOANG XUAN TAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
86	大學部Bachelor	黃○越	HOANG VAN VIET	越南Việt Nam	備取Dự bị
87	大學部Bachelor	趙○黎	TRIEU QUANG LE	越南Việt Nam	備取Dự bị
88	大學部Bachelor	阮氏○玄	NGUYEN THI THANH HUYEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
89	大學部Bachelor	阮梅○薇	NGUYEN MAI THUY VY	越南Việt Nam	備取Dự bị
90	大學部Bachelor	阮氏○簪	NGUYEN THI QUE TRAM	越南Việt Nam	備取Dự bị
91	大學部Bachelor	林○玉	LAM NHU NGOC	越南Việt Nam	備取Dự bị
92	大學部Bachelor	梁氏○英	LUONG THI PHUONG ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị